

Số: 1550182

|                                                | Kia New Seltos 1.5 Turbo Luxury | Kia Carens 1.5G Luxury (mới) |
|------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>749.000.000đ</b>             | <b>669.000.000đ</b>          |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                 |                              |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4365 x 1800 x 1645              | 4540 x 1800 x 1750           |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2610                            | 2780                         |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                            | 5310                         |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 190                             | 190                          |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1310                            | 1297                         |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1760                            | 1920                         |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 433                             | 216                          |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 50                              | 45                           |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                               | 7                            |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                | SX-LR trong nước             |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                 |                              |
| Loại động cơ                                   | Smartstream 1.5 Turbo           | SmartStream 1.5G             |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1497                            | 1,497                        |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 158Hp/ 5.500 rpm                | 113 / 6,300                  |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 253 Nm/ 1.500 - 3.500 rpm       | 144 / 4,500                  |
| Hộp số                                         | 7DCT                            | IVT                          |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                 | Cầu trước (FWD)              |
| Hệ thống treo trước                            | McPherson                       | McPherson                    |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh cân bằng                  | Thanh xoắn                   |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                             | Đĩa                          |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                             | Đĩa                          |
| Thông số lốp xe                                | 215/60 R17                      | 215/55 R17                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | n/a                             | 8.4                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | n/a                             | 5.9                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | n/a                             | 6.8                          |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                               |                              |
| Chế độ lái                                     | Normal/Eco/Sport                |                              |
| Chế độ địa hình                                | Snow/Mud/Sand                   |                              |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                 |                              |
| Cụm đèn trước                                  | LED                             | LED                          |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                               | ●                            |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                               |                              |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                               |                              |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                               |                              |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                               | ●                            |
| Đèn sương mù                                   | LED                             |                              |
| Cụm đèn sau                                    | LED                             | LED                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                               | ●                            |
| Gạt mưa tự động                                | -                               | ●                            |
| Cửa sổ trời                                    | ●                               |                              |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                                 |                              |

|                                      |                                |                    |
|--------------------------------------|--------------------------------|--------------------|
| Vô lăng bọc da                       | ●                              | ●                  |
| Chất liệu ghế                        | Da                             | Da                 |
| Ghế người lái chỉnh cơ               | -                              | ●                  |
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                              |                    |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | -                              |                    |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | -                              | ●                  |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●                              |                    |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | ●                              |                    |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | -                              |                    |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | -                              |                    |
| Tính năng cửa hít                    | -                              |                    |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                              | ●                  |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | 4.2"                           | 4.2" TFT + SEG LCD |
| Màn hình HUD                         | -                              |                    |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 10.25"                         | AVN 8"             |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ●                              | ●                  |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                              | ●                  |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | Tự động 2 vùng                 | 1                  |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●                              | ●                  |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                              | ●                  |
| Khởi động nút bấm                    | ●                              | ●                  |
| Khởi động từ xa                      | ●                              | ●                  |
| Hệ thống âm thanh                    | 6 loa                          | 6 loa              |
| Lấy chuyển số                        | -                              |                    |
| Sạc không dây Qi                     | -                              |                    |
| Phanh đỗ điện tử                     | -                              |                    |
| Giữ phanh tự động Autohold           | -                              |                    |
| Đèn trang trí nội thất               | ●                              | ●                  |
| Rèm che nắng                         | ●                              |                    |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                              | ●                  |
| Trang bị khác                        | Gương chiếu hậu chống chói ECM |                    |

#### AN TOÀN:

|                                                 |     |     |
|-------------------------------------------------|-----|-----|
| Số túi khí                                      | 6   | 2   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●   | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●   | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●   |     |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●   |     |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●   | ●   |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●   |     |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●   | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●   | ●   |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | n/a |     |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | ●   | Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●   |     |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●   |     |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | -   |     |

|                                          |   |                             |
|------------------------------------------|---|-----------------------------|
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | - |                             |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ● |                             |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | - | ● (cài đặt giới hạn tốc độ) |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | - |                             |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ● |                             |
| Camera lùi                               | ● | ●                           |